TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2024/KDTM-ST
Ngày: 24/4/2024
V/v "*Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh.

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Viểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 90/2023/TLST-KDTM ngày 23 tháng 6 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2024/QĐST-KDTM ngày 27/3/2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty C.

Địa chỉ: Tầng 28, Cao ốc S, đường T, phường B1, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông C, Y - C – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tiêu Quang L.

Địa chỉ liên hệ: Tầng 28, Cao ốc S, đường T, phường B1, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản ủy quyền ngày 18/4/2023.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P.

Địa chỉ: quốc lộ 51, tổ 1A, khu phố Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tiến Đ – chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Tổ 16, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Tiến Đ, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 16, khu phố V, phường P, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Phạm Thu H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(ông Lộc có mặt, ông Đ vắng mặt, bà H có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P và Công ty C có ký Hợp đồng cho thuê tài chính số C201145301 ngày 17/12/2020, số B210326701 ngày 23/03/2021 và số C210532001 ngày 18/05/2021 cùng với Phụ lục, Tu chỉnh đi kèm (sau đây gọi tắt là "*Hợp đồng thuê*"). Theo đó, tài sản mà Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P có nhu cầu thuê tài chính là: 01 ô tô đầu kéo biển số 50LD-120.xx, 01 sơ mi rơ mooc tải (tự đổ) biển số 50R-026.xx, 01 ô tô con biển số 60LD-037.xx, 01 ô tô tải (tự đổ) biển số 60LD-037.xx.

Ngoài ra, để đảm bảo cho việc nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của bên thuê trong Hợp đồng thuê, Công ty C có chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của ông Trần Tiến Đ và bà Phạm Thu H ký ngày 17/12/2020, ngày 22/03/2021 và ngày 18/05/2021.

Để thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty C đã ký hợp đồng mua bán số C201145301-PC ngày 17/12/2020, số B210326701-PC ngày 23/03/2021 và số C210532001-PC ngày 18/05/2021 để mua Tài sản thuê nêu trên. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P đã ký Giấy chứng nhận nghiệm thu Tài sản thuê ngày 17/12/2020 và ngày 18/05/2021, Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản ngày 23/03/2021.

Tổng giá trị của Tài sản thuê, số tiền mà Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P trả trước ("Tiền trả trước"), số tiền mà Công ty C tài trợ ("Giá trị thuê") cụ thể như sau (đơn vị tính: Việt Nam đồng):

Hợp đồng thuê	Tổng giá trị Tài sản thuê	Tiền trả trước	Giá trị thuê
C201145301	1.850.000.000	277.500.000	1.572.500.000
B210326701	436.280.700	87.256.140	349.024.560
C210532001	1.350.000.000	337.500.000	1.012.500.000
Tổng cộng	**2.286.280.700**	**364.756.140**	**1.921.524.560**

Hằng tháng, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P phải thanh toán cho Công ty C Tiền thuê bao gồm một phần Vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền Vốn gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P trả hết toàn bộ Vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với Tài sản thuê. Nếu Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P vi phạm nghĩa vụ thanh toán Tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi Tài sản thuê và yêu cầu Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P bồi thường thiệt hại (nếu có).

Toàn bộ các tài sản thuê hiện tại đều do Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P quản lý, sử dụng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù Công ty C nhiều lần yêu cầu thanh toán.

Vì vậy, Công ty C khởi kiện yêu cầu giải quyết những nội dung sau:

Buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P thanh toán cho Công ty C số tiền thuê mà Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P còn nợ (tạm tính đến ngày 24/4/2024) là **1.157.303.436 đồng**. Trong đó, nợ gốc là 740.694.047đ, nợ lãi 283.994.997đ, lãi chậm trả 132.614.392đ.

Buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P thanh toán cho Công ty C tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 25/4/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp thanh toán không đầy đủ số nợ nêu trên, buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P giao trả Tài sản thuê để xử lý, đảm bảo thi hành án.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thuê không đủ thanh toán các khoản nợ của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P với Công ty C

thì buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P tiếp tục thanh toán số tiền thuê còn nợ.

Trường hợp Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P không thanh toán được số tiền thuê còn nợ hoặc không giao trả tài sản thuê, buộc ông Trần Tiến Đ và bà Phạm Thu H thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C theo nội dung Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

Tại bản tự khai, đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày:

Giữa Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P (sau đây gọi tắt là Công ty P) có ký kết hợp đồng cho thuê tài chính với Công ty C (sau đây gọi tắt là Công ty C) như Công ty C trình bày.

Tính đến ngày 03/8/2023, Công ty P còn nợ Công ty C số tiền 1.618.790.609đ (trong đó tiền gốc là 1.280.694.047đ, tiền lãi là 338.096.562đ). Cụ thể hợp đồng thuê số C201145301 số tiền 920.xx4.818đ, hợp đồng thuê số B210326701 số tiền 153.220.599đ, hợp đồng thuê số C210532001 số tiền 545.115.192đ). Nếu Công ty P không thanh toán được khoản nợ cho Công ty C thì Công ty P sẽ giao trả tài sản thuê cho Công ty C để xử lý, đảm bảo thi hành án.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Tiến Đ trình bày:

Ngày 17/12/2020, ngày 22/3/2021 và ngày 18/5/2021, ông Trần Tiến Đ đã ký thư bảo lãnh cá nhân để bảo lãnh cho nghĩa vụ thanh toán của Công ty P đối với hợp đồng thuê tài chính với Công ty C. Theo đó, trong trường hợp Công ty P không thanh toán tiền thuê theo hợp đồng thuê cho Công ty C, ông Đ đồng ý thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty P.

Nay Công ty C khởi kiện yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thì ông đồng ý.

Tại đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thu H trình bày:

Ngày 25/5/2022 bà Phạm Thu H và ông Trần Tiến Đ đã có quyết định ly hôn của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa. Nay bà H không còn liên quan đến ông Đ, ông Trần Tiến Đ phải chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các khoản vay mà Công ty P vay. Bà H đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C, buộc bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P phải trả cho Công ty C số tiền còn nợ (tạm tính đến ngày 24/4/2024) là **1.157.303.436 đồng** (trong đó, nợ gốc là 740.694.047đ, nợ lãi 283.994.997đ, lãi chậm trả 132.614.392đ) và tiếp tục thanh toán tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 25/4/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp thanh toán không đầy đủ số nợ nêu trên, buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P giao trả Tài sản thuê để xử lý, đảm bảo thi hành án.

Trường hợp Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P không thanh toán được số tiền thuê còn nợ hoặc không giao trả tài sản thuê, buộc ông Trần Tiến Đ và bà Phạm Thu H thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C theo nội dung Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty C (sau đây gọi tắt là Công ty C) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P (sau đây gọi tắt là Công ty P) phải thanh toán số tiền theo hợp đồng thuê tài chính giữa các bên. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính" theo quy định tại Điều 472 Bộ luật dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có trụ sở tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Tiến Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng

mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu về tiền gốc:

Giữa Công ty C và Công ty P có ký kết 03 hợp đồng cho thuê tài chính số C201145301 ngày 17/12/2020, số B210326701 ngày 22/3/2021 và số C210532001 ngày 18/5/2021, tài sản để thuê tài chính là: 01 ô tô đầu kéo biển số 50LD-120.xx, 01 sơ mi rơ mooc tải (tự đổ) biển số 50R-026.xx, 01 ô tô con biển số 60LD-037.xx, 01 ô tô tải (tự đổ) biển số 60LD-037.xx. Để thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty C đã ký hợp đồng mua bán số C201145301-PC ngày 17/12/2020, số B210326701-PC ngày 23/3/2021 và số C210532001-PC ngày 18/5/2021 để mua các tài sản thuê nêu trên. Công ty C đã thực hiện giải ngân cho các hợp đồng thuê, cụ thể: Hợp đồng thuê số C201145301 số tiền 1.572.500.000đ, hợp đồng thuê số B210326701 số tiền 349.024.560đ, hợp đồng thuê số C210532001 số tiền 1.012.500.000đ, tổng cộng 2.934.024.560đ.

Sau khi ký kết Hợp đồng thuê, Công ty P đã thanh toán được cho Công ty C số tiền 1.874.833.xx8đ (trong đó tiền gốc 1.xx3.330.513đ, tiền lãi 461.503.405đ).

Sau khi Công ty C khởi kiện, Công ty P đã tiếp tục thanh toán cho Công ty C số tiền 780.000.000đ (trong đó, hợp đồng thuê số C201145301 số tiền 364.152.623đ, hợp đồng thuê số B210326701 số tiền 106.472.377đ, hợp đồng thuê số C210532001 số tiền 309.375.000đ). Tính đến ngày 24/4/2024, Công ty P còn nợ Công ty C số tiền nợ gốc là 740.694.047đ (trong đó, hợp đồng thuê số C201145301 số tiền 467.297.510đ, hợp đồng thuê số B210326701 số tiền 48.396.537đ, hợp đồng thuê số C210532001 số tiền 225.000.000đ).

Điều 26.2.4 tại các hợp đồng thuê các bên thỏa thuận: "*Hợp đồng thuê có thể chấm dứt trước thời hạn nếu xảy ra một trong các trường hợp vi phạm sau đây: ... Bên thuê không thanh toán tiền thuê như quy định tại Điều 7 và/hoặc các khoản tiền khác quy định trong hợp đồng thuê trong vòng năm ngày kể từ ngày đến hạn*". Điều 481 Bộ luật dân sự quy định: "*1. Bên thuê phải trả đủ tiền thuê đúng thời hạn đã thỏa thuận... 2. Trường hợp các bên thỏa thuận việc trả tiền thuê theo kỳ hạn thì bên cho thuê có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng, nếu bên thuê không trả tiền trong ba kỳ liên tiếp, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*".

Quá trình thực hiện hợp đồng thuê tài chính, Công ty P đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Công ty C, việc này Công ty P cũng thừa nhận.

Tính đến ngày 24/4/2024, Công ty P còn nợ Công ty C số tiền nợ gốc là 740.694.047đ (trong đó, hợp đồng thuê số C201145301 số tiền 467.297.510đ, hợp đồng thuê số B210326701 số tiền 48.396.537đ, hợp đồng thuê số C210532001 số tiền 225.000.000đ).

Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty C về việc buộc Công ty P thanh toán số tiền gốc là 740.694.047đ là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu về tiền lãi:

Điều 6.7 tại các hợp đồng cho thuê tài chính, các bên thỏa thuận: *Trong trường hợp bên thuê ko thanh toán tiền vốn gốc và thuế GTGT (nếu có) đúng hạn ..., bên thuê phải thanh toán tiền lãi quá hạn được tính trên phần vốn gốc và thuế GTGT (nếu có) quá hạn thanh toán với mức lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất thuê trong hạn...* Điều 6.8 tại các hợp đồng cho thuê tài chính, các bên thỏa thuận: *Trong trường hợp bên thuê ko thanh toán tiền lãi thuê đúng hạn, bên thuê phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán được tính trên tiền lãi thuê ko thanh toán đúng hạn với mức lãi suất bằng 10%/năm...*

Tại Phần 3 Phụ lục số 01 hợp đồng cho thuê tài chính số C201145301 ngày 17/12/2020 các bên thỏa thuận: *lãi suất thuê trước ngày bắt đầu thuê áp dụng lãi suất thả nổi như sau: lãi suất tạm thời là 365 ngày 11,58%, 360 ngày 11,42%; lãi suất thuê sau ngày bắt đầu thuê áp dụng lãi suất thả nổi như sau: lãi suất tiêu chuẩn VND 365 ngày 11,58%, 360 ngày 11,42%.* Tại Phần 3 Phụ lục số 01 hợp đồng cho thuê tài chính số B210326701 ngày 22/3/2021 các bên thỏa thuận: *lãi suất thuê trước ngày bắt đầu thuê áp dụng lãi suất thả nổi như sau: lãi suất tạm thời là 365 ngày 11,56%, 360 ngày 11,40%; lãi suất thuê sau ngày bắt đầu thuê áp dụng lãi suất thả nổi như sau: lãi suất tiêu chuẩn VND 365 ngày 11,56%, 360 ngày 11,40%*. Tại Phần 3 Phụ lục số 01 hợp đồng cho thuê tài chính số C210532001 ngày 18/5/2021 các bên thỏa thuận*: lãi suất thuê trước ngày bắt đầu thuê áp dụng lãi suất thả nổi như sau: lãi suất tạm thời là 365 ngày 11,63%, 360 ngày 11,47%; lãi suất thuê sau ngày bắt đầu thuê áp dụng lãi suất thả nổi như sau: lãi suất tiêu chuẩn VND 365 ngày 11, 63%, 360 ngày 11,47%.*

Xét thấy, việc thỏa thuận lãi của các bên là tự nguyện. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và gốc. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty C buộc Công ty P phải thanh toán số tiền lãi trong hạn tính đến ngày 24/4/2024 là 283.994.997đ (trong đó, hợp đồng thuê số C201145301 số tiền 171.266.665đ, hợp đồng thuê số B210326701 số tiền 21.586.xx8đ, hợp đồng thuê số C210532001 số tiền 91.141.874đ), tiền lãi chậm

trả tính đến ngày 24/4/2024 là 132.614.392đ (trong đó, hợp đồng thuê số C201145301 số tiền 71.275.026đ, hợp đồng thuê số B210326701 số tiền 13.492.138đ, hợp đồng thuê số C210532001 số tiền 47.8447.228đ) và tiếp tục trả tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 25/4/2024 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ nợ vay cho Công ty C theo Lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng cho thuê tài chính đã ký kết là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thuê:

Điều 29 tại các hợp đồng cho thuê tài chính, các bên thỏa thuận: *Trừ khi bên thuê chọn mua tài sản thuê như quy định tại Điều 25, khi chấm dứt hợp đồng thuê trước hạn vì bất cứ lý do gì, bên thuê sẽ chịu trách nhiệm hoàn trả tài sản thuê cho bên cho thuê*.

Quá trình thực hiện hợp đồng thuê tài chính, Công ty P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán dẫn đến việc chấm dứt hợp đồng thuê. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C về việc buộc bị đơn Công ty P giao trả các tài sản thuê gồm: 01 ô tô đầu kéo biển số 50LD-120.xx, 01 sơ mi rơ mooc tải (tự đổ) biển số 50R-026.xx (theo hợp đồng cho thuê tài chính số C201145301 ngày 17/12/2020), 01 ô tô con biển số 60LD-037.xx (theo hợp đồng cho thuê tài chính số B210326701 ngày 22/3/2021) và 01 ô tô tải (tự đổ) biển số 60LD-037.xx (theo hợp đồng cho thuê tài chính số C210532001 ngày 18/5/2021) là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Đối với yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:

Khoản 1 Điều 335 Bộ luật dân sự quy định: *Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ*. Khoản 1 Điều 298 Bộ luật dân sự quy định: *Biện pháp bảo đảm được đăng ký theo thỏa thuận hoặc theo quy định của luật. Việc đăng ký là điều kiện để giao dịch bảo đảm có hiệu lực chỉ trong trường hợp luật có quy định*. Điều 4 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm quy định: *Các biện pháp bảo đảm sau đây phải đăng ký: a) Thế chấp quyền sử dụng đất; b) Thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp tài sản đó đã được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; c) Cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay; d) Thế chấp tàu biển*.

Ngày 17/12/2020, ông Trần Tiến Đ, bà Phạm Thu H đã thỏa thuận bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ cho Công ty P với Công ty C đối với hợp đồng cho thuê tài

chính số C201145301 ngày 17/12/2020. Ngày 22/3/2021 ông Trần Tiến Đ, bà Phạm Thu H đã thỏa thuận bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ cho Công ty P với Công ty C đối với hợp đồng cho thuê tài chính số B210326701 ngày 22/3/2021. Ngày 18/5/2021 ông Trần Tiến Đ, bà Phạm Thu H đã thỏa thuận bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ cho Công ty P với Công ty C đối với hợp đồng cho thuê tài chính số C210532001 ngày 18/5/2021. Xét thấy, việc cam kết bảo lãnh của ông Đ, bà H là tự nguyện, không trái với quy định pháp luật. Khoản 1 Điều 342 Bộ luật dân sự quy định: *Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó*. Quá trình thực hiện hợp đồng thuê tài chính, Công ty P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán dẫn đến việc chấm dứt hợp đồng thuê. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C về việc buộc ông Trần Tiến Đ và bà Phạm Thu H thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C theo nội dung thư bảo lãnh đã ký kết là có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Đối với số tiền ký cược đảm bảo:

Điều 13.2 tại các hợp đồng cho thuê tài chính, các bên thỏa thuận: *Tiền ký cược bảo đảm quy định tại Điều 13.1 sẽ được hoàn trả cho bên thuê, mà ko hưởng lãi sau khi kết thúc hợp đồng thuê với điều kiện là bên thuê đã thực hiện tất cả các nghĩa vụ quy định tại hợp đồng thuê, kể cả trong các trường hợp chấm dứt hợp đồng thuê trước hạn như quy định tại Điều 26*. Do đó, yêu cầu của Công ty C về việc hoàn trả lại số tiền ký cược đảm bảo 181.814.035đ cho Công ty P sau khi Công ty P hoàn thành nghĩa vụ thanh toán với Công ty C là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn Công ty P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 46.719.103đ ((36.000.000đ + 3% (1.157.303.436đ – 800.000.000đ)). Hoàn trả cho Công ty C tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 298; Điều 335; Điều 342; Điều 472; Điều 481 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Quốc tế C về việc "*Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính*" đối với bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P.

- Buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV Quốc tế C số tiền tính đến ngày 24/4/2024 là 709.839.201đ (bảy trăm lẻ chín triệu tám trăm ba mươi chín ngàn hai trăm lẻ một đồng) theo hợp đồng cho thuê tài chính số C201145301 ngày 17/12/2020. Trong đó, nợ gốc là 467.297.510đ, nợ lãi 171.266.665đ, lãi chậm trả 71.275.026đ.

- Buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV Quốc tế C số tiền tính đến ngày 24/4/2024 là 83.475.133đ (tám mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn một trăm ba mươi ba đồng) theo hợp đồng cho thuê tài chính số B210326701 ngày 22/3/2021. Trong đó, nợ gốc là 48.396.537đ, nợ lãi 21.586.xx8đ, lãi chậm trả 13.492.138đ.

- Buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV Quốc tế C số tiền tính đến ngày 24/4/2024 là 363.989.102đ (ba trăm sáu mươi ba triệu chín trăm tám mươi chín ngàn một trăm lẻ hai đồng) theo hợp đồng cho thuê tài chính số C210532001 ngày 18/5/2021. Trong đó, nợ gốc là 225.000.000đ, nợ lãi 91.141.874đ, lãi chậm trả 47.847.228đ.

Kể từ ngày 25/5/2024, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng cho thuê tài chính trên cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P thanh toán không đầy đủ số nợ trên, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P phải giao trả các tài sản thuê để Công ty TNHH MTV Quốc tế C xử lý, thu hồi nợ, bao gồm: 01 ô tô đầu kéo biển số 50LD-120.xx, 01 sơ mi rơ mooc tải (tự đổ) biển số 50R-026.xx (theo hợp đồng cho thuê tài chính số C201145301 ngày 17/12/2020), 01 ô tô con biển số 60LD-037.xx (theo hợp đồng cho thuê tài chính số B210326701 ngày 22/3/2021) và 01 ô tô tải (tự đổ) biển số 60LD-037.xx (theo hợp đồng cho thuê tài chính số C210532001 ngày 18/5/2021).

Trường hợp Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ trên và không giao trả tài sản thuê, ông Trần Tiến Đ và bà Phạm Thu H phải liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV Quốc tế C theo nội dung thư bảo lãnh ngày 17/12/2020,

ngày 22/3/2021 và ngày 18/5/2021 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

Công ty TNHH MTV Quốc tế C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P số tiền 181.814.035đ (một trăm tám mươi mốt triệu tám trăm mười bốn ngàn không trăm ba mươi lăm đồng) sau khi Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.

Về án phí:

- Công ty Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 46.719.103đ (bốn mươi sáu triệu bảy trăm mười chín ngàn một trăm lẻ ba đồng). Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV Quốc tế C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.306.xx2đ (ba mươi ba triệu ba trăm lẻ sáu ngàn bốn trăm mười hai đồng) theo biên lai thu số 08126 ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- CCTHADS TP. Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thanh Thủy